

## CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

(Ban hành kèm Quyết định số 285 /QĐ-ĐHPT ngày 01 tháng 06 năm 2024

của Trường Đại học Phan Thiết)

### A. Thông tin tổng quát (General information)

1. Tên chương trình tiếng Việt: Ngôn ngữ Anh
2. Tên chương trình tiếng Anh: English Language
3. Trình độ đào tạo: Đại học
4. Ngành đào tạo tiếng Việt: Ngôn ngữ Anh
5. Ngành đào tạo tiếng Anh: English Language
6. Mã ngành: 7220201
7. Thời gian đào tạo: 3.5 năm
8. Loại hình đào tạo: Chính quy, tập trung
9. Số tín chỉ: 125 (không bao gồm học phần GDTC, GDQPAN)
10. Văn bằng tốt nghiệp: Cử nhân/Đại học
11. Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Anh, Tiếng Việt, Tiếng Trung (đối với các học phần ngoại ngữ 2)

### B. Mục tiêu đào tạo và Chuẩn đầu ra (Program Objectives and Learning Outcomes)

#### 1. Mục tiêu đào tạo (Program Objectives)

##### 1.1. Mục tiêu chung

Đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, có kiến thức tổng hợp về kinh tế - xã hội, kiến thức chuyên sâu về ngôn ngữ Anh, phẩm chất đạo đức tốt, năng động và thích ứng với yêu cầu của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0.

##### 1.2. Mục tiêu cụ thể

##### 1.2.1. Về kiến thức:

PO1. Hiểu biết cơ bản về các kiến thức lý luận chính trị, khoa học xã hội, khoa học tự nhiên.

PO2. Có kiến thức chung về Ngôn ngữ học bao gồm Ngữ âm-Âm vị học, Hình vị học, Cú pháp, Ngữ nghĩa học, Ngữ dụng học; kiến thức chung về văn hóa và văn học Anh-Mỹ và kiến thức chuyên sâu về lĩnh vực giảng dạy tiếng Anh, tiếng Anh thương mại và tiếng Anh du lịch.

##### 1.2.2. Về kỹ năng

PO3. Sử dụng thành thạo các kỹ năng Ngôn ngữ Anh: Nghe, Nói, Đọc, Viết tương đương với trình độ C1 (bậc 5) theo Khung tham chiếu chung Châu Âu về năng lực ngoại ngữ.

PO4. Sử dụng được ở mức độ cơ bản Tiếng Trung tương đương với trình độ A2 (bậc 2) theo Khung tham chiếu chung Châu Âu về năng lực ngoại ngữ.

PO5: Sử dụng các phần mềm văn phòng cơ bản như Word, Excel, PowerPoint, khai thác và sử dụng Internet phục vụ cho quá trình học tập.

### 1.2.3. Về thái độ

PO6. Thể hiện nhận thức đúng đắn, thái độ, đạo đức nghề nghiệp đúng đắn, nghiêm túc, trung thực, ý thức trách nhiệm cao, có ý chí quyết tâm, vượt khó, sẵn sàng thích nghi với những thay đổi của môi trường làm việc, chủ động lập kế hoạch phát triển nghề nghiệp của bản thân.

PO7. Hình thành ý thức tự phát triển bản thân và khả năng học tập suốt đời.

### 1.2.4. Về vị trí làm việc sau tốt nghiệp

Cử nhân ngành Ngôn ngữ Anh có thể đảm nhận các công việc như:

Giảng dạy tiếng Anh tại các trường trung học phổ thông, trung học cơ sở hoặc các cơ sở giáo dục có đào tạo tiếng Anh như trường ngoại ngữ, trung tâm ngoại ngữ, trường mẫu giáo, trường mầm non, trường tiểu học, công ty hoặc cơ quan có nhu cầu,

Biên dịch và phiên dịch tiếng Anh trong các văn phòng công ty, doanh nghiệp, cơ quan báo chí, phát thanh, truyền hình và các tổ chức xã hội trong nước và nước ngoài có sử dụng tiếng Anh.

Làm nhân viên, chuyên viên hành chính, thư ký, trợ lý trong các văn phòng công ty, doanh nghiệp, trường học, cơ sở đào tạo và các tổ chức xã hội trong nước và nước ngoài có sử dụng tiếng Anh.

Làm nhân viên, chuyên viên cho các doanh nghiệp, các tổ chức kinh tế và tài chính trong nước hoặc quốc tế có sử dụng tiếng Anh.

Tạo dựng và làm chủ trung tâm ngoại ngữ, doanh nghiệp kinh doanh, khởi nghiệp.

### 1.2.5. Khả năng học tập nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp

- Có ý thức tự phát triển bản thân và khả năng học tập suốt đời

- Có khả năng học tập nâng cao trình độ ở các bậc cao học các chuyên ngành: Lý luận và phương pháp dạy học tiếng Anh, Ngôn ngữ Anh, Ngôn ngữ học Ứng dụng và các chuyên ngành gần tại các cơ sở đào tạo trong và ngoài nước.

## 2. Chuẩn đầu ra (Program learning outcomes)

Chuẩn đầu ra	Giải thích	Nhóm CDR
PLO1	Hiểu và vận dụng được kiến thức nền tảng về lý luận chính trị, khoa học tự nhiên-xã hội và Quốc phòng – An ninh	Kiến thức
PLO2	Tổng hợp được kiến thức lý thuyết của ngôn ngữ Anh (ngữ âm-âm vị học, hình vị học, cú pháp, ngữ nghĩa học) làm nền tảng phát triển kỹ năng thực hành tiếng và lý giải các hiện tượng ngôn ngữ	
PLO3	Hiểu và vận dụng được những kiến thức về văn học, văn hóa, giao tiếp bằng ngôn ngữ và phi ngôn ngữ; so sánh, đối chiếu những hành vi, giá trị, tín ngưỡng, quan niệm sống giữa nhiều nền văn hóa khác nhau	
PLO4	Vận dụng được hệ thống thuật ngữ tiếng Anh dùng trong lĩnh vực giảng dạy tiếng Anh, thương mại và du lịch	
PLO5	Kết hợp các kiến thức lý thuyết tiếng và thực hành tiếng để lý giải các hiện tượng ngôn ngữ trong nghiên cứu	Kỹ năng
PLO6	Phân tích, tổng hợp và đánh giá được các vấn đề liên quan đến chuyên ngành giảng dạy tiếng Anh, thương mại và du lịch	

<b>Chuẩn đầu ra</b>	<b>Giải thích</b>	<b>Nhóm CDR</b>
PLO7	Thực hiện được nghiên cứu khoa học bước đầu bằng Tiếng Việt, sau đó phát triển sang Tiếng Anh thông qua việc xác định được vấn đề cần nghiên cứu, phương pháp nghiên cứu, tìm kiếm tài liệu và lược thảo tài liệu về chuyên ngành Ngôn ngữ Anh	
PLO8	Phát hiện, đưa ra kiến nghị hoặc giải pháp nhằm giải quyết những vấn đề nảy sinh trong thực tiễn hoạt động nghề nghiệp, áp dụng được khái niệm lý thuyết và kỹ năng chuyên môn, sự sáng tạo vào các tình huống khác nhau.	
PLO9	Sử dụng thành thạo công nghệ thông tin nhằm đáp ứng nhu cầu học tập và nghiên cứu suốt đời	
PLO10	Sử dụng được tiếng Trung trong giao tiếp tương đương trình độ A2 theo khung tham chiếu Châu Âu về năng lực ngoại ngữ	
PLO11	Khả năng làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm trong điều kiện học tập và làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm	Mức tự chủ và trách nhiệm
PLO12	Hình thành ý thức tự phát triển bản thân và khả năng học tập suốt đời	
PLO13	Tôn trọng các giá trị văn hóa truyền thống của dân tộc, đồng thời biết tôn trọng và tiếp thu có chọn lọc các yếu tố văn hóa của các quốc gia, dân tộc khác	

### **3. Khối lượng kiến thức toàn khóa**

Tổng khối lượng kiến thức tích lũy cho toàn khóa tối thiểu là 135 tín chỉ, không bao gồm Giáo dục Thể chất (3 tín chỉ) và Giáo dục Quốc phòng (8 tín chỉ).

### **4. Đối tượng tuyển sinh**

Công dân đã có bằng tốt nghiệp THPT hoặc tương đương theo quy định tại Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

### **5. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp**

#### **5.1. Quy trình đào tạo**

Chương trình thực hiện theo Quy chế đào tạo trình độ đại học ban hành kèm theo Thông tư số 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 3 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo và quy định hiện hành của Nhà trường.

#### **5.2. Điều kiện tốt nghiệp**

Sinh viên được công nhận tốt nghiệp khi hội đủ các điều kiện được quy định tại điều 14 Quy chế đào tạo trình độ đại học ban hành kèm theo Thông tư số 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 3 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo và quy định hiện hành của Nhà trường

- Cho đến thời điểm xét tốt nghiệp không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập.

- Tích lũy đủ số tín chỉ môn học và khối lượng kiến thức quy định cho CTĐT mỗi khóa.

- Điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa học đạt từ 2.00 trở lên.

- Đạt điểm rèn luyện từ 5.0 trở lên (tối thiểu xếp loại trung bình/ toàn khóa học)
- Có Chứng chỉ ứng dụng Công nghệ thông tin cơ bản theo Chuẩn kỹ năng sử dụng Công nghệ thông tin cơ bản (gồm đủ 6 mô đun cơ bản) quy định tại Thông tư 03/2014/TT-BTTTT
- Chứng chỉ ứng dụng Công nghệ thông tin nâng cao theo Chuẩn kỹ năng sử dụng Công nghệ thông tin nâng cao quy định tại Thông tư 03/2014/TT-BTTTT
- Có chứng chỉ Kỹ năng mềm do Trung tâm phát triển nguồn nhân lực trường Đại học Phan Thiết cấp
- Có chứng chỉ Giáo dục Quốc phòng và hoàn thành môn học Giáo dục Thể chất
- Tham gia hoạt động cộng đồng theo quy định của Nhà trường (15 ngày công ích)

### 6. Cách thức đánh giá

Chương trình sử dụng thang điểm 10, quy đổi tương đương sang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy định của Trường.

### 7. Nội dung chương trình

TT	Tên môn học	Mã Môn học	Số tín chỉ			Môn tiên quyết (nếu có)
			TC	LT	TH/TT	
<b>7.1</b>	<b>Kiến thức giáo dục đại cương</b>		<b>13</b>			
	<b>7.1.1. Lý luận chính trị</b>					
1	Triết học Mác- Lênin Marxist-Leninist philosophy	190441	3	2	1	
2	Kinh tế chính trị Mác - Lênin Marxist - Leninist political economy	190117	2	2		
3	Chủ nghĩa xã hội khoa học Science socialism	190014	2	2		
4	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam History of the Communist Party of Vietnam	190152	2	2		
5	Tư tưởng Hồ Chí Minh Ho Chi Minh Ideology	190443	2	2		
6	Pháp luật đại cương General Law	190255	2			
<b>7.2</b>	<b>Kiến thức khoa học cơ bản</b>		<b>23</b>			
	<b>7.2.1. Khoa học xã hội</b>		<b>3</b>			
7	Tin học căn bản Basic Informatics	200026	3	1	2	
	<b>7.2.2. Ngoại ngữ</b>		<b>9</b>			
8	Tiếng Trung 1 Chinese 1	190424	3	2	1	
9	Tiếng Trung 2 Chinese 2	190425	3	2	1	
10	Tiếng Trung 3 Chinese 3	190426	3	2	1	
	<b>7.2.3. Giáo dục Thể chất</b>		<b>3</b>		<b>3</b>	<b>*</b>
11	Giáo dục Thể chất 1 Physical Education 1	190060	2		2	
12	Giáo dục Thể chất 2 Physical Education 2	190061	1		1	

	<b>7.2.4. Giáo dục Quốc phòng - An ninh</b>		<b>8</b>		<b>8</b>	<b>*</b>
13	Giáo dục Quốc phòng Military and Defense Education	190059	8		8	
<b>7.3. Kiến thức cơ sở và cốt lõi ngành</b>			<b>85</b>			
<b>7.3.1. Kiến thức cơ sở của ngành</b>			<b>47</b>			
14	Nghe- Nói 1 Listening- Speaking 1	220110	4	2	2	
15	Nghe- Nói 2 Listening- Speaking 2	220111	4	2	2	
16	Nghe- Nói 3 Listening- Speaking 3	220112	4	2	2	
17	Nghe- Nói 4 Listening- Speaking 4	220113	4	2	2	
18	Nghệ thuật nói trước công chúng (Public Speaking) Public Speaking	200700	2	1	1	
19	Đọc 1 Reading 1	200001	3	2	1	
20	Đọc 2 Reading 2	190051	3	2	1	
21	Đọc 3 Reading 3	190052	3	2	1	
22	Viết 1 Writing 1	190456	3	2	1	
23	Viết 2 Writing 2	190457	3	2	1	
24	Viết 3 Writing 3	190458	3	2	1	
25	Viết 4 Writing 4	200704	2	1	1	
26	Thực hành luyện âm Practice of Pronunciation	200023	3	1	2	
27	Ngữ pháp 1 Grammar 1	200015	3	2	1	
28	Ngữ Pháp 2 Grammar 2	190237	3	2	1	
<b>7.3.2. Kiến thức ngành và chuyên sâu:</b>			<b>38</b>			
<b>7.3.2.1. Kiến thức chung:</b>			<b>8</b>			
<b>Bắt buộc:</b>						
29	Dẫn luận ngôn ngữ học An introduction to linguistics	190035	2	2		
30	Tiếng việt thực hành Vietnamese Practice	190428	2	1	1	
31	Văn hóa Anh - Mỹ British-American Cultures	200701	2	1	1	
32	Văn học Anh - Mỹ British-American Literature	200708	2	1	1	
<b>7.3.2.2 Kiến thức chuyên ngành:</b>			<b>30</b>			
<b>Bắt buộc:</b>						
			<b>12</b>			
33	Ngữ âm-Âm vị học Phonetics and Phonology	220313	2	1	1	

34	Cú pháp (Syntax) Syntax	190030	2	1	1	
35	Biên dịch Translation	220119	3	2	1	
36	Phiên dịch Interpretation	200147	3	2	1	
37	Hình vị học Morphology	190080	2	1	1	
	<b>Tự chọn: Chọn 1 trong các môn sau theo thứ tự ở cột ghi chú</b>		<b>18</b>			
38	Biên dịch nâng cao Advanced Translation	220379	3	2	1	
39	Phiên dịch nâng cao Advanced Interpretation	220383	3	2	1	
40	Ngữ nghĩa học (Semantics) Semantics	200718	2	1	1	
41	Ngữ dụng học (Pragmatics) Pragmatics	200712	2	1	1	
42	Từ vựng học (Lexicology) Lexicology	220384	3	2	1	
43	Loại hình các ngôn ngữ (Linguistic Typology) Linguistic Typology	220381	3	2	1	
44	Phân tích diễn ngôn (Discourse Analysis) Discourse Analysis	220382	2	1	1	
<b>7.4. Kiến thức thực tập và trải nghiệm</b>			<b>11</b>			
<b>7.4.1. Kiến tập</b>			<b>2</b>		<b>2</b>	
45	Kiến tập (Observation) Observation	220380	2		2	
<b>7.4.2. Thực tập &amp; KLTN (hoặc học môn thay thế)</b>			<b>9</b>	<b>9</b>		
46	Khoá luận tốt nghiệp Graduation Thesis	200057	9	9		
<b>Môn học thay thế Khóa luận tốt nghiệp</b>			9			
47	Tiếng Anh thực hành English practice	190399	3	1	2	
48	Thực tập tốt nghiệp Graduation Internship	190360	6	1	5	
<b>7.5. Kiến thức nghiên cứu và các thành phần khác</b>			<b>4</b>			
49	Phương pháp nghiên cứu khoa học Scientific research method	190270	2	2		
50	Đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp Innovation and Entrepreneurship	220217	2	1	1	
<b>Tổng cộng</b>			<b>125</b>			

Ghi chú: TC: tín chỉ

LT: Lý thuyết

TH/TT: Thực hành/thực tập

\*Không tính điểm tích lũy

## 8. Kế hoạch giảng dạy

Các môn Giáo dục Thể chất và Giáo dục Quốc phòng đào tạo theo kế hoạch chung của Trường.

TT	Tên môn học	Mã Môn học	Số tín chỉ			Ghi chú
			TC	LT	TH	
<b>HỌC KỲ 1</b>			<b>13</b>			
1	Triết Học Mác – Lê nin	190441	3	2	1	
2	Thực hành luyện âm	200023	3	1	2	
3	Nghe-Nói 1	220110	4	2	2	
4	Ngữ Pháp 1	200015	3	2	1	
<b>HỌC KỲ 2</b>			<b>15</b>			
1	Pháp luật đại cương	190255	2	2		
2	Tin Học Căn Bản	200026	3	1	2	
3	Giáo Dục Thể Chất 1 *	190060	2		2	
4	Kinh tế chính trị Mác – Lênin	190117	2	2		
5	Đọc 1	200001	3	2	1	
6	Viết 1	190456	3	2	1	
<b>HỌC KỲ 3</b>			<b>15</b>			
1	Giáo Dục Thể Chất 2 *	190061	1	1		
2	Chủ Nghĩa Xã Hội Khoa Học	190014	2	2		
3	Phương pháp nghiên cứu khoa học	190270	2	2		
4	Nghe- Nói 2	220111	4	2	2	
5	Đọc 2	190051	3	2	1	
6	Ngữ Pháp 2	190237	3	2	1	
<b>HỌC KỲ 4</b>			<b>13</b>			
1	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	190152	2	2		
2	Viết 2	190457	3	2	1	
3	Ngữ âm-Âm vị học	220313	2	1	1	
4	Nghe- Nói 3	220112	4	2	2	
5	Dẫn luận ngôn ngữ học	190035	2	2		
<b>HỌC KỲ 5</b>			<b>13</b>			
1	Tư tưởng Hồ Chí Minh	190443	2	2		
2	Đọc 3	190052	3	2	1	
3	Nghe- Nói 4	220113	4	2	2	
4	Tiếng Việt Thực hành	190428	2	1	1	
5	Kiến tập (Observation)	220380	2		2	
<b>HỌC KỲ 6</b>			<b>15</b>			
1	Giáo dục Quốc phòng - An ninh *	190059	8		8	
2	Viết 3	190458	3	2	1	
3	Hình vị học (Morphology)	190080	2	1	1	
4	Văn hóa Anh - Mỹ	200701	2	1	1	
<b>HỌC KỲ 7</b>			<b>15</b>			
<b>Học phần bắt buộc</b>						
1	Nghệ thuật nói trước công chúng (Public Speaking)	200700	2	1	1	
2	Tiếng Trung 1	190424	3	2	1	
3	Văn học Anh - Mỹ	200708	2	1	1	
4	Cú pháp (Syntax)	190030	2	1	1	
<b>Học phần tự chọn</b>						
5	Từ vựng học (Lexicology)	220384	3	2	1	
6	Loại hình các ngôn ngữ (Linguistic Typology)	220381	3	2	1	
<b>HỌC KỲ 8</b>			<b>14</b>			

<b>Học phần bắt buộc</b>					
1	Đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp	220217	2	1	1
2	Biên dịch	220119	3	2	1
3	Phiên dịch	200147	3	2	1
4	Tiếng Trung 2	190425	3	2	1
<b>Học phần tự chọn</b>					
5	Biên dịch nâng cao	220379	3	2	1
<b>HỌC KỲ 9</b>			<b>14</b>		
<b>Học phần bắt buộc</b>					
1	Tiếng Trung 3	190426	3	2	1
2	Viết 4	200704	3	2	1
<b>Học phần tự chọn</b>					
3	Phân tích diễn ngôn (Discourse Analysis)	220382	2	1	1
4	Ngữ nghĩa học (Semantics)	200718	2	1	1
5	Ngữ dụng học (Pragmatics)	200712	2	1	1
6	Phiên dịch nâng cao	220383	3	2	1
<b>HỌC KỲ 10</b>			<b>9</b>		
<i>Chọn 1 trong 2 hình thức tốt nghiệp</i>					
1	Khoá luận tốt nghiệp	200057	9	9	
2	<i>Môn học thay thế</i>				
	Tiếng Anh thực hành	190399	3	1	2
	Thực tập tốt nghiệp	190360	6	1	5
<b>Tổng cộng</b>			<b>125</b>		

## 9. Hướng dẫn thực hiện chương trình

### 9.1. Xây dựng đề cương chi tiết các môn học

Trên cơ sở chương trình đào tạo, giảng viên biên soạn đề cương chi tiết theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và của Trường với một số điểm cần lưu ý:

- Việc triển khai chi tiết các môn học phải đảm bảo tính logic của việc truyền đạt và tiếp thu các mảng kiến thức, cần qui định các môn học tiên quyết của môn học kế tiếp trong chương trình đào tạo.

- Về nội dung: Trừ phần kiến thức tự chọn, các môn học còn lại là bắt buộc thực hiện. Nội dung trong đề cương là những nội dung cốt lõi của môn học. Có thể bổ sung thêm nội dung hay thời lượng cho một môn học nào đó, phần thời lượng thêm vào được lấy từ thời lượng môn học tự học của khối kiến thức tương ứng.

- Phần kiến thức tự chọn: Sinh viên lựa chọn các môn học trên cơ sở số tín chỉ tích lũy quy định cho nhóm môn học tự chọn để đảm bảo tích lũy đủ số tín chỉ. Phần kiến thức tự chọn, hàng năm có thể thay đổi, bổ sung để đáp ứng yêu cầu cập nhật và hội nhập.

- Ngoài ra chương trình có môn học Kiến tập nhằm giúp cho sinh viên làm quen với thực tế doanh nghiệp từ năm thứ 2, sẽ triển khai vào học kỳ 5 của khóa học, sinh viên đến kiến tập tại doanh nghiệp.

- Về yêu cầu thực hiện số lượng bài tập (nếu có) của các môn học do giảng viên qui định nhằm giúp sinh viên nắm vững kiến thức lý thuyết, rèn luyện kỹ năng cần thiết.

- Tất cả các môn học đều phải có giáo trình, tập bài giảng, tài liệu tham khảo, tài liệu

hướng dẫn... đã in sẵn cung cấp cho sinh viên. Tùy theo nội dung các môn học, giảng viên xác định phương pháp giảng dạy cho phù hợp.

### 9.2. Định hướng phương pháp dạy học

- Chương trình được biên soạn theo hướng đổi mới các phương pháp dạy và học đại học: giảm số giờ lý thuyết, dành nhiều thời gian cho sinh viên tự học tập, nghiên cứu, đọc tài liệu, thảo luận, làm các bài tập và thực tập;

- Khối kiến thức của chương trình phù hợp với khuôn khổ mà Bộ Giáo dục và Đào tạo đã quy định cho chương trình giáo dục trình độ đại học.

### 9.3. Định hướng đánh giá

- Đánh giá học tập thường xuyên bằng kiểm tra lý thuyết, thực hành, viết tiểu luận, vấn đáp.

- Môn Kiến tập, Kỹ năng học tập và các môn học chuyên đề Kỹ năng được đánh giá kết quả học tập theo thang điểm 10, được tính vào điểm trung bình chung tích lũy.

- Tổ chức thi kết thúc môn học theo hình thức: tự luận, trắc nghiệm khách quan, viết tiểu luận hoặc kết hợp với các hình thức trên.

- Quy trình tổ chức thi, kiểm tra, đánh giá thực hiện theo quy chế hiện hành của Nhà trường.

### 9.4. Tốt nghiệp

Ngoài môn thực tập tốt nghiệp, sinh viên thực hiện khóa luận tốt nghiệp hoặc học các môn học tích lũy thay thế khóa luận theo quy định của Khoa, cụ thể:

#### 9.4.1. Tốt nghiệp với Khóa luận tốt nghiệp (KLTN) Điều kiện làm KLTN:

Thực hiện theo Điều 16 Chương III của quyết định 78/QĐ-ĐHPT ngày 26/01/2024 về việc ban hành quy chế đào tạo đại học chính quy theo hệ thống tín chỉ của trường đại học Phan Thiết.

#### 9.4.2. Tốt nghiệp với các môn học thay thế KLTN:

Đối với các học phần tích lũy để tốt nghiệp, sinh viên có thể tích lũy dần dần ở các học kỳ.

Sinh viên có thể đăng ký các môn học thay thế KLTN trước khi thực tập tốt nghiệp.

### 10. Mối liên hệ giữa mục tiêu chương trình đào tạo và chuẩn đầu ra

CĐR (PLO)	Nội dung	PO1	PO2	PO3	PO4	PO5	PO6	PO7
PLO1	Hiểu và vận dụng được kiến thức nền tảng về lý luận chính trị, khoa học tự nhiên-xã hội và Quốc phòng – An ninh	x				x		
PLO2	Tổng hợp được kiến thức lý thuyết của ngôn ngữ Anh (ngữ âm-âm vị học, hình vị học, cú pháp, ngữ nghĩa học) làm nền tảng phát triển kỹ năng thực hành tiếng và lý giải các hiện tượng ngôn ngữ		x	x		x		
PLO3	Hiểu và vận dụng được những kiến thức về văn học, văn hóa, giao tiếp bằng ngôn ngữ và phi			x		x		

<b>CĐR (PLO)</b>	<b>Nội dung</b>	<b>PO1</b>	<b>PO2</b>	<b>PO3</b>	<b>PO4</b>	<b>PO5</b>	<b>PO6</b>	<b>PO7</b>
	ngôn ngữ; so sánh, đối chiếu những hành vi, giá trị, tín ngưỡng, quan niệm sống giữa nhiều nền văn hóa khác nhau							
<b>PLO4</b>	Vận dụng được hệ thống thuật ngữ tiếng Anh dùng trong lĩnh vực giảng dạy tiếng Anh, thương mại và du lịch			X		X		
<b>PLO5</b>	Kết hợp các kiến thức lý thuyết tiếng và thực hành tiếng để lý giải các hiện tượng ngôn ngữ trong nghiên cứu			X		X		
<b>PLO6</b>	Phân tích, tổng hợp và đánh giá được các vấn đề liên quan đến chuyên ngành giảng dạy tiếng Anh, thương mại và du lịch			X		X		
<b>PLO7</b>	Thực hiện được nghiên cứu khoa học bước đầu bằng Tiếng Việt, sau đó phát triển sang Tiếng Anh thông qua việc xác định được vấn đề cần nghiên cứu, phương pháp nghiên cứu, tìm kiếm tài liệu và lược thảo tài liệu về chuyên ngành Ngôn ngữ Anh		X		X			
<b>PLO8</b>	Phát hiện, đưa ra kiến nghị hoặc giải pháp nhằm giải quyết những vấn đề nảy sinh trong thực tiễn hoạt động nghề nghiệp, áp dụng được khái niệm lý thuyết và kỹ năng chuyên môn, sự sáng tạo vào các tình huống khác nhau.			X		X		
<b>PLO9</b>	Sử dụng thành thạo công nghệ thông tin nhằm đáp ứng nhu cầu học tập và nghiên cứu suốt đời		X	X		X		
<b>PLO10</b>	Sử dụng được tiếng Trung trong giao tiếp tương đương trình độ A2 theo khung tham chiếu Châu Âu về năng lực ngoại ngữ				X	X		
<b>PLO11</b>	Khả năng làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm trong điều kiện học tập và làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm	X	X	X	X		X	X

CĐR (PLO)	Nội dung	PO1	PO2	PO3	PO4	PO5	PO6	PO7
PLO12	Hình thành ý thức tự phát triển bản thân và khả năng học tập suốt đời	x	x	x	x	x	x	x
PLO13	Tôn trọng các giá trị văn hóa truyền thống của dân tộc, đồng thời biết tôn trọng và tiếp thu có chọn lọc các yếu tố văn hóa của các quốc gia, dân tộc khác	x	x	x	x	x	x	x

### 11. Mối liên hệ giữa mục tiêu học phần và chuẩn đầu ra

	PL O1	PL O2	PL O3	PL O4	PL O5	PL O6	PL O7	PL O8	PL O9	PL O10	PL O11	PL O12	PL O13
Triết học Mác-Lênin	I										R	R	R
Kinh tế chính trị Mác – Lênin	I										R	R	R
Chủ nghĩa xã hội khoa học	I										R	R	R
Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	I										R	R	R
Tư tưởng Hồ Chí Minh	I										R	R	R
Pháp luật đại cương	I										R	R	R
Tin học căn bản									R		R	R	R
Tiếng Trung 1								R		R	R	R	R
Tiếng Trung 2								R		R	R	R	R
Tiếng Trung 3								R		R	R	R	R
Giáo dục Thể chất 1											R	R	R
Giáo dục Thể chất 2											R	R	R

	PL O1	PL O2	PL O3	PL O4	PL O5	PL O6	PL O7	PL O8	PL O9	PL O10	PL O11	PL O12	PL O13
Giáo dục Quốc phòng an ninh	I										R	R	R
Nghe-Nói 1				R	M	R		R			R	R	R
Nghe-Nói 2				R	M	R		R			R	R	R
Nghe-Nói 3				R	M	R		R			R	R	R
Nghe-Nói 4				R	M	R		R			R	R	R
Nghệ thuật nói trước công chúng				R	M	R		R	R		R	R	R
Đọc 1				R	M	R		R			R	R	R
Đọc 2				R	M	R		R			R	R	R
Đọc 3				R	M	R		R			R	R	R
Viết 1				R	M	R		R			R	R	R
Viết 2				R	M	R		R			R	R	R
Viết 3				R	M	R		R			R	R	R
Viết 4				R	M	R	R	R	R		R	R	R
Thực hành luyện âm				R	M	R		R			R	R	R
Ngữ pháp 1				R	M	R		R			R	R	R
Ngữ Pháp 2				R	M	R		R			R	R	R
Dẫn luận ngôn ngữ học		M		R	R	R		R			R	R	R
Tiếng việt thực hành		M		R	R	R		R			R	R	R
Văn hóa Anh - Mỹ			M		R	R					R	R	R
Văn học Anh - Mỹ			M		R	R					R	R	R
Ngữ âm- Âm vị học		M		R	R	R		R			R	R	R
Cú pháp (Syntax)		M		R	R	R		R			R	R	R

	PL O1	PL O2	PL O3	PL O4	PL O5	PL O6	PL O7	PL O8	PL O9	PL O10	PL O11	PL O12	PL O13
Biên dịch					M			R	R		R	R	R
Phiên dịch					M			R	R		R	R	R
Hình vị học (Morphology)		M		R	R	R		R			R	R	R
Ngữ dụng học (Pragmatics)		M		R	R	R		R			R	R	R
Ngữ nghĩa học (Semantics)		M		R	R	R		R			R	R	R
Từ vựng học (Lexicology)		M		R	R	R		R			R	R	R
Loại hình các ngôn ngữ (Linguistic Typology)		M		R	R	R		R			R	R	R
Phân tích diễn ngôn (Discourse Analysis)		M		R	R	R		R			R	R	R
Biên dịch nâng cao					M			R	R		R	R	R
Phiên dịch nâng cao					M			R	R		R	R	R
Kiến tập (Observation)													
Khoá luận tốt nghiệp				R	R	R		R	R		R	R	R

	PL O1	PL O2	PL O3	PL O4	PL O5	PL O6	PL O7	PL O8	PL O9	PL O10	PL O11	PL O12	PL O13
Tiếng Anh thực hành	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M
Thực tập tốt nghiệp	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M
Phương pháp nghiên cứu khoa học							M		R		R	R	R
Đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp											R	R	R

*Ghi chú: M (Master), R (Reinforced), I (Introduction)*

## 12. Ma trận đối sánh CDR CTĐT theo khung trình độ quốc gia bậc Đại học

CDR theo khung trình độ quốc gia CDR CTĐT	Kiến thức					Kỹ năng						Mức tự chủ và trách nhiệm			
	K T1	K T2	K T3	K T4	K T5	K N1	K N2	K N3	K N4	K N5	K N6	TCT N1	TCT N2	TCT N3	TCT N4
PLO1		x								x		x		x	
PLO2	x					x				x	x	x			
PLO3	x					x				x	x			x	
PLO4	x			x		x		x	x	x	x	x			
PLO5	x					x					x			x	
PLO6				x		x			x						x
PLO7	x	x	x	x		x			x		x	x		x	x
PLO8	x					x				x	x	x		x	
PLO9			x			x						x			
PLO10		x				x					x	x			
PLO11	x					x					x	x			
PLO12				x		x	x					x			
PLO13		x						x		x				x	

## 13. Đề cương chi tiết